

Bản án số: **03/2024/HS-ST**
Ngày: 18 - 01 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Ông Hoàng Thành Trung.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2023/TLST - HS, ngày 03 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST - HS, ngày 14 tháng 12 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/HSST-QĐ, ngày 26/12/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn L, sinh năm 1993; nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968; vợ tên Phạm Thị Huệ T, sinh năm 1997; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

2. Họ và tên Nguyễn Văn L2, sinh năm 1994; nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn T1, sinh năm 2000; nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1972; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

4. Họ và tên: Nguyễn Tấn M, sinh năm 1994, nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn B1, sinh năm 1969 và bà Trần Thị D, sinh năm 1971; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại quyết định xử phạt hành chính số 58879 ngày 09/4/2021, Công an huyện T xử phạt với số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong năm 2021.

5. Họ và tên: Nguyễn Trường A, sinh năm 1993, nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1972; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại quyết định xử phạt hành chính số 58885 ngày 09/4/2021, Công an huyện T xử phạt với số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong năm 2021.

6. Họ và tên: Nguyễn Thị L5, sinh năm 1963, nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940; chồng tên Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1955 (đã chết); có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không

7. Họ và tên: Trịnh Thị L6, sinh năm 1975, nơi sinh: Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh T3, sinh năm 1936 và bà Võ Thị H1, sinh năm 1931; chồng tên Trần Nhơn Q, sinh năm 1969 (đã chết); có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

8. Họ và tên: Hồ Thái L7, sinh năm 1948, nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Tá T4 (đã chết) và bà Lê Thị P (đã chết); vợ tên Trần Thị N1, sinh năm 1953 (đã ly hôn); có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không.

9. Họ và tên: Nguyễn Thị L8, sinh năm 1985, nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L9 (đã chết) và bà Lê Thị B2, sinh năm 1944; chồng tên Nguyễn Văn L10, sinh năm 1985; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

10. Họ và tên: Phạm Hữu T5, sinh năm 1970, nơi sinh: tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình

độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu T6 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1934; vợ tên Nguyễn Thị H2, sinh năm 1972; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

11. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1992, nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L11, sinh năm 1963; chồng tên Lê Hoàng T7, sinh năm 1990; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

12. Họ và tên: Nguyễn Thị Thu S1, sinh năm 1968, nơi sinh: Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C1 (đã chết) và bà Lê Thị M1, sinh năm 1943; chồng tên Trương Thanh M2, sinh năm 1964; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không.

13. Họ và tên: Võ Thị Kim C2, sinh năm 1975, nơi sinh: Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ B3, sinh năm 1941 và bà Lê Thị L12 (đã chết); chồng tên Trịnh Công H3; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

14. Họ và tên: Phạm Thị L13, sinh năm 1985, nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm T8, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị R1, sinh năm 1960; chồng tên Ngô Thanh C3, sinh năm 1980; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

15. Họ và tên: Thái Thị Bạch T9, sinh năm 1979, nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn C, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn N2 (đã chết) và bà Trương Thị L14, sinh năm 1953; chồng tên Trương Văn B4, sinh năm 1976; có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

16. Họ và tên: Trần Thị T10, sinh năm 1938, nơi sinh: Bình Thuận; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thị P2 (đã chết) và bà Lê Thị L15 (đã chết); chồng tên Nguyễn Văn S2, sinh năm 1943; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất (không rõ năm sinh); tiền án, tiền sự: Không.

17. Họ và tên: Phan Duy A2, sinh năm 1979, nơi sinh: Bắc Ninh; nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông

Phan Duy S3, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L16, sinh năm 1960; vợ tên Trương Thị H4, sinh năm 1976; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

18. Họ và tên: Phan Thị Mỹ D1, sinh năm 1998, nơi sinh: tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu T11, sinh năm 1951 và bà Lộc Thị Thanh H5, sinh năm 1955; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

19. Họ và tên: Trần Ánh N3, sinh năm 1976, nơi sinh: tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S4, sinh năm 1940 và bà Huỳnh Thị C4, sinh năm 1942; chồng tên Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo đều tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Tấn C5, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

2. Lê Thị Hồng D2, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

3. Phan Thành P3, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

4. Hoàng Thị T12, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

5. Nguyễn Thị T13, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn D, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

6. Nguyễn Thị Tuyết L17, sinh năm 1968 (đã chết); nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

7. Trương Văn B5, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

8. Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

9. Lê Ngọc Thành T14, sinh năm 1998; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

10. Đặng Thị N4, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

11. Đặng Văn T15, sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

12. Nguyễn Thị N5, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn A, xã G, huyện T, tỉnh

Bình Thuận: Có mặt.

13. Mai Lê Hoàng Trà M3, sinh năm 1994; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

14. Nguyễn Thị N6, sinh năm 1976; nơi cư trú: khu phố E, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 35 phút, ngày 22/02/2023 Đội chống tệ nạn xã hội và mua bán người thuộc Phòng C7 Công an tỉnh B phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Công an xã G, huyện T tiến hành bắt quả tang tụ điểm đánh bạc rầy cao su thuộc thôn A, xã G, huyện T. Khi bắt quả tang thì có khoảng 50 người đang tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc tài xỉu thắng thua bằng tiền. Khi phát hiện thấy lực lượng Công an các đối tượng bỏ chạy. Công an tiến hành truy đuổi và bắt giữ được 15 người gồm: Nguyễn Trường A, Thái Thị Bạch T9; Võ Thị Kim C2; Phan Thị Mỹ D1; Trần Thị T10; Phạm Hữu T5; Nguyễn Thị Ngọc S; Nguyễn Thị L5; Hồ Thái L7; Nguyễn Thị L8; Trần Ánh N3; Phạm Thị L13; Trịnh Thị L6; Nguyễn Thị Thu S1; Phan Duy A2.

Ngoài ra, Công an còn bắt giữ 13 người khác có liên quan gồm: Lê Ngọc Thành T14; Nguyễn Thị Kim O; Nguyễn Thị N5; Nguyễn Thị N6; Nguyễn Thị T13; Hoàng Thị T12; Mai Lê Hoàng Trà M3; Nguyễn Thị Tuyết L17; Lê Văn H6; Lê Thị Hồng D2; Phan Thành P3; Đặng Thị N4; Nguyễn Văn T1.

Địa điểm đánh bạc là khu vực dưới gốc cây cao su được trái tám bạc, phía trên được che bằng tấm bạt. Công an tiến hành thu giữ tại vị trí đánh bạc (chiều bạc) số tiền 9.770.000đ; 01 cái đĩa, 01 nắp nhựa màu xanh, 03 hột xí ngầu, 01 chiếu bạc tài xỉu, 18 ghế nhựa.

Qua quá trình điều tra đã xác định được Nguyễn Lập là người trực tiếp đứng ra tổ chức sòng bạc và chọn địa điểm là vườn cao su tại khu vực thôn A, xã G, huyện T để làm địa điểm đánh bạc bằng hình thức xóc tài xỉu thắng thua bằng tiền nhằm mục đích thu lợi bất chính từ việc thu tiền bảo (tiền xâu). Nguyễn L đã nhờ Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M phụ giúp chuẩn bị địa điểm, sử dụng xe để liên hệ và chở các con bạc đến địa điểm tham gia đánh bạc. Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 22/02/2023 Nguyễn L đã tổ chức cho những người tham gia chơi đánh bạc bằng hình thức xóc tài xỉu thắng thua bằng tiền.

Hình thức chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền như sau:

Người làm cái sử dụng 03 hình hợp lập phương được làm bằng nhựa (03 hột xí ngầu), mỗi hột có 06 mặt, mỗi mặt có các nút thứ tự từ 01 đến 06, 03 hột xí ngầu được để trong 01 cái đĩa có nắp đậy. Khi xóc nếu điểm số của 03 mặt xí ngầu từ 04 đến 10 điểm được gọi là xỉu, từ 11 đến 17 điểm được gọi là tài, tỷ lệ ăn thua là 1 ăn 1, người chơi tự lựa chọn đặt cược ở bên tài hoặc xỉu. Ngoài ra, người chơi có quyền

đặt cụ thể từng con số ở trên tám bạt (ăn số) nếu trúng thì tỷ lệ ăn thua được tính theo tỷ lệ được quy định trước. Trường hợp nếu khi xóc cả 3 hột xí ngầu đều có cùng một mặt giống nhau thì gọi là “Bão”, nếu tổng cả ba mặt có số điểm cộng lại dưới 10 điểm thì gọi là “Bão xiu” và ngược lại số điểm cộng lại trên 11 điểm thì gọi là “Bão tài”. Khi “Bão” thì nhà cái sẽ hòa với những người chơi đặt cược ở bên tài hoặc bên xiu, thắng hết số tiền bên kia và phải chia cho sòng bạc $\frac{1}{2}$ số tiền thắng.

Bằng hình thức trên trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 16 giờ 35 phút ngày 22/02/2023 các con bạc đã tham gia đặt cược như sau:

- Nguyễn Trường A mang theo số tiền 3.500.000đ để đánh bạc đã tham gia ăn số ở nhiều ván, thắng được số tiền 850.000đ. Khi bị Công an bắt thu giữ trên người số tiền 4.350.000đ. Tổng số tiền Nguyễn Trường A tham gia đánh bạc là 4.350.000đ.

- Nguyễn Thị L5 mang theo số tiền 14.682.000đ (gồm 10.000.000đ là tiền hui), đã sử dụng số tiền 4.682.000đ để tham gia đánh bạc, đã tham gia đặt cược 03 ván mỗi ván 100.000đ, thắng 02 ván, thua 01 ván. Khi bị bắt thắng được số tiền 100.000đ. Khi bị bắt quả tang thu giữ trên người số tiền 14.782.000đ. Tổng số tiền Nguyễn Thị L5 tham gia đánh bạc là 4.782.000đ.

- Trịnh Thị L6 mang theo số tiền 2.400.000đ để tham gia đánh bạc. Tham gia đặt cược 04 ván mỗi ván 100.000đ thì bị thua 400.000đ. Khi bị bắt Công an đã thu giữ trên người số tiền 2.000.000đ. Tổng số tiền Trịnh Thị L6 tham gia đánh bạc là 2.400.000đ.

- Hồ Thái L7 mang theo số tiền 4.900.000đ, sử dụng số tiền 1.400.000đ để đánh bạc, tham gia đặt cược ở nhiều ván, mỗi ván từ 100.000đ đến 200.000đ, thắng được số tiền 1.100.000đ. Khi bị Công an bắt đã thu giữ trên người số tiền 6.000.000đ. Tổng số tiền Hồ Thái L7 tham gia đánh bạc là 2.500.000đ.

- Nguyễn Thị L8 mang theo số tiền 1.000.000đ để đánh bạc, tham gia đặt cược khoảng 06 ván, thắng 05 ván, thua 01 ván. Mỗi ván đặt cược 100.000đ thắng được số tiền 400.000đ. Khi bị bắt quả tang thu giữ trên người số tiền 1.400.000đ. Tổng số tiền Nguyễn Thị L8 tham gia đánh bạc là 1.400.000đ.

- Phạm Hữu T5 mang theo số tiền 560.000đ để tham gia đánh bạc, tham gia đánh bạc ở 02 ván, mỗi ván 200.000đ thì bị thua 400.000đ. Khi bị Công an bắt đã thu giữ số tiền còn lại trên người là 160.000đ. Tổng số tiền Phạm Hữu T5 tham gia đánh bạc là 560.000đ.

- Nguyễn Thị Ngọc S mang theo số tiền 500.000đ để tham gia đánh bạc, đặt cược nhiều ván, mỗi ván 100.000đ, thắng được số tiền 300.000đ. Khi đang uống nước và đứng xem thì bị Công an bắt đã thu giữ số tiền còn lại trên người là 800.000đ. Tổng số tiền Nguyễn Thị Ngọc S tham gia đánh bạc là 800.000đ.

- Nguyễn Thị Thu S1 mang theo số tiền 500.000đ để tham gia đánh bạc, đặt cược nhiều ván, mỗi ván 100.000đ, thu số tiền 300.000đ. Khi bị Công an bắt đã thu giữ số tiền còn lại trên người là 200.000đ. Tổng số tiền Nguyễn Thị Thu S1 tham gia đánh bạc là 500.000đ.

- Võ Thị Kim C2 mang theo số tiền 550.000đ để tham gia đánh bạc, đặt cược 03 ván, mỗi ván 100.000đ, thua 03 ván số tiền 300.000đ, sử dụng 50.000đ mua nước uống. Khi bị Công an bắt đã thu giữ số tiền còn lại trên người là 200.000đ. Tổng số tiền Võ Thị Kim C2 tham gia đánh bạc là 500.000đ.

- Phạm Thị L13 mang theo số tiền 300.000đ để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược nhiều ván, mỗi ván 20.000đ đến 50.000đ; thắng được 100.000đ. Tổng số tiền Phạm Thị L13 tham gia đánh bạc là 400.000đ.

- Thái Thị Bạch T9 mang theo số tiền 650.000đ để tham gia đánh bạc, sử dụng 300.000đ để tham gia đánh bạc, đặt cược nhiều ván nhưng không thắng không thua. Khi bị C6 bắt thu giữ trên người 3.500.000đ (3.000.000đ đã bị thất lạc). Tổng số tiền Thái Thị Bạch T9 tham gia đánh bạc là 400.000đ.

- Trần Thị T10 mang theo số tiền 250.000đ để đánh bạc, tham gia đánh bạc được 03 ván, mỗi ván 50.000đ thì bị thua 150.000đ. Sử dụng số tiền 30.000đ để ăn hủ tiếu. Khi bị C6 bắt thu giữ trên người 700.000đ. Tổng số tiền Trần Thị T10 tham gia đánh bạc là 250.000đ.

- Phan Duy A2 mang theo số tiền 1.500.000đ để tham gia đánh bạc, tham gia đánh bạc được 06 ván, mỗi ván 200.000đ đến 300.000đ thì thua hết tiền. Tổng số tiền Phan Duy A2 tham gia đánh bạc là 1.500.000đ.

- Phan Thị Mỹ D1 mang theo số tiền 700.000đ để tham gia đánh bạc, đặt cược nhiều ván thì bị thua. Tổng số tiền Phan Thị Mỹ D1 tham gia đánh bạc là 700.000đ.

- Trần Ánh N3 mang theo số tiền 530.000đ để tham gia đánh bạc, tham gia đặt cược 05 ván mỗi ván 100.000đ thì thua hết 500.000đ (30.000đ còn lại dùng để mua nước uống). Tổng số tiền Trần Ánh N3 tham gia đánh bạc là 530.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 74/CT-VKSND-HS, ngày 26/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a khoản 1 Điều 322; Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A2, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M; Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị Trong Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N3 hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Nguyễn L, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M; phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc

S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N3 về tội “Đánh bạc”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn L: Từ 60.000.000đ đến 70.000.000đ.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 35 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L2: Từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn M: Từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1: Từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 và điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt Nguyễn Trường A: Từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

- Xử phạt Nguyễn Thị L5: Từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

- Xử phạt Trịnh Thị L6: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Nguyễn Thị L8: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Phạm Hữu T5: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Nguyễn Thị Ngọc S: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Nguyễn Thị Thu S1: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Võ Thị Kim C2: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Phạm Thị L13: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Thái Thị Bạch T9: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Phan Duy A3: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Phan Thị Mỹ D1: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

- Xử phạt Trần Ánh N3: Từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321 và điểm i, o, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt Hồ Thái L7: Từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Xử phạt Trần Thị T10: Từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 đĩa, 01 nắp nhựa màu xanh, 03 hộp xì ngầu, 01 chiếu bạc, 18 ghế nhựa.

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Tiếp tục tạm giữ số tiền của bị cáo Nguyễn Thị L5, Hồ Thái L7 không sử dụng vào mục đích đánh bạc để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi vi phạm của bị cáo Nguyễn L, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M:

Vào khoảng 14 giờ, ngày 22/02/2023 Nguyễn L nảy sinh ý định tổ chức đánh xóc đĩa ăn thua bằng tiền tại khu vực vườn cao su ở thôn A, xã G nên rủ Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M cùng tham gia nhằm mục đích kiếm tiền sử dụng để ăn nhậu. Trước khi tổ chức sòng bạc, Nguyễn L phân công cho Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M làm nhiệm vụ căng bạt, hướng dẫn, chở người vào sòng bạc. Tại thời điểm vào lúc 15h00, ngày 22/02/2023 tại sòng bạc do Nguyễn Văn L18 tổ chức có khoảng từ 30 người đến 40 người tham gia chơi đánh bạc dưới hình thức “Tài xỉu” ăn thua bằng tiền.

Như vậy, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Thế nhưng, bị cáo Nguyễn L18 đã có hành vi tổ chức cho các con bạc tham gia chơi đánh bạc dưới hình thức đánh tài xỉu ăn tiền tại nhà khu vực rẫy cao su ở thôn A, xã G cho khoảng từ 30 người đến 40 người tham gia chơi. Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M tham gia căng bạt, hướng dẫn và chở người vào sòng bạc. Hành vi của các bị cáo Nguyễn L18, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hành vi vi phạm của Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N3:

Căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong giai đoạn điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 15 giờ đến 16 giờ 30, ngày 22/02/2023 tại khu vực rẫy cao su ở Thôn A, xã G, huyện T, Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S,

Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N3 cùng tham gia chơi đánh bạc dưới hình thức tài xỉu ăn thua nhau bằng tiền.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo xác định số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc vào ngày 22/02/2023 là Nguyễn Trường A 3.500.000đ; Trịnh Thị L6: 2.400.000đ; Hồ Thái L7: 1.400.000đ; Nguyễn Thị L8: 1.000.000đ; Phạm Hữu T5: 560.000đ; Nguyễn Thị Ngọc S: 500.000đ; Nguyễn Thị Thu S1: 500.000đ; Võ Thị Kim C2: 500.000đ; Phạm Thị L13: 300.000đ; Thái Thị Bạch T9: 300.000đ; Trần Thị T10: 250.000đ; Phan Duy A3: 1.500.000đ; Phan Thị Mỹ D1: 700.000đ; Trần Ánh N3: 530.000đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị L5, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi Nguyễn Thị L5 đi đến sông bạc đem theo số tiền 14.682.000đ. Trong số tiền này, bị cáo sử dụng số tiền 10.000.000đ để tham gia đóng hụi. Số tiền 4.682.000đ bị cáo sử dụng để chi tiêu hàng ngày. Tại phiên tòa, bị cáo xác định chỉ sử dụng số tiền 300.000đ để đánh bạc. Bị cáo lấy ra 300.000đ để chơi đánh bạc. Bị cáo đánh 03 ván, thắng 01 ván thì nghỉ. Khi Công an bắt người phạm tội quả tang thu giữ số tiền của bị cáo Nguyễn Thị L5 là 14.782.000đ. Trong số tiền này, bị cáo thắng bạc được 100.000đ. Tại thời điểm bị bắt giữ bị cáo Nguyễn Thị L5 đang ngồi nghỉ và không còn tham gia chơi đánh bạc. Kết quả thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo xác định chỉ sử dụng số tiền 300.000đ để đánh bạc. Nếu đánh thua bị cáo không tiếp tục chơi nữa. Ngoài ra, tại thời điểm bắt phạm tội quả tang bị cáo không còn tham gia chơi đánh bạc mà ra ngoài ngồi nghỉ. Do đó, không có đủ căn cứ bị cáo sử dụng số tiền 4.682.000đ để tham gia chơi đánh bạc. Số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc được xác định là 300.000đ.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22/02/2023 thu giữ trên chiếu bạc số tiền 9.770.000đ; thu giữ trên người các con bạc là 34.362.000đ. Trong đó, số tiền không sử dụng vào mục đích đánh bạc của Nguyễn Thị L5 là 14.482.000đ; Hồ Thái L7: 3.500.000đ; Thái Thị Bạch T9: 3.200.000đ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 22.950.000đ.

Xét thấy: Các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D3, Trần Thị Ánh N7 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thế nhưng đã có hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 22.950.000đ dưới hình thức đánh “Tài xỉu” là nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau. Cho nên, các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 22.950.000đ. Do đó, các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn L18, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M; Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N7 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Cho nên, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N7 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Hồ Thái L7, Trần Thị T10 tại thời điểm phạm tội đủ 70 tuổi nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn L18 tự nguyện giao nộp số tiền 1.500.000đ thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc tại các ngày 20, 21/02/2023. Bị cáo Nguyễn Trường A có thời gian tham gia quân ngũ từ năm 2012 đến năm 2014. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S là hộ cận nghèo. Cho nên được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với các bị cáo phạm tội tổ chức đánh bạc:

Bị cáo Nguyễn Lập là người khởi xướng việc tổ chức đánh bạc; bị cáo là người lựa chọn địa điểm để tổ chức và thu tiền khi kết quả xóc ra 03 hạt xí ngầu giống nhau gọi là “Bão”. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn L2, Nguyễn Tấn M, Nguyễn Văn T1 tham gia với vai trò phụ giúp Nguyễn L18 giảng bạc, hướng dẫn, chở người đến sòng bạc nên giữ vai trò giúp sức trong vụ án. Cho nên, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn L18 với mức án cao hơn các bị cáo Nguyễn Văn L2, Nguyễn Tấn M, Nguyễn Văn T1 là phù hợp.

Xét thấy: Các bị cáo Nguyễn L18, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Tấn M, Nguyễn Văn T1 tại thời điểm tổ chức đánh bạc vào ngày 22/02/2023 các bị cáo chưa thu lợi. Ngoài ra, các bị cáo đều xác định số tiền thu lợi được sử dụng vào mục đích để ăn nhậu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Không cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục các bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 35 BLHS.

Đối các bị cáo Nguyễn Văn L2, Nguyễn Tấn M, Nguyễn Văn T1 tham gia phụ giúp Nguyễn L18 giảng bạc, hướng dẫn đường và chở các con bạc đến sòng bạc tham gia với vai trò người giúp sức nhưng giữ vai trò không đáng kể; các bị cáo

phạm tội lần đầu. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là phù hợp.

Đối với vai trò của các bị cáo phạm tội đánh bạc.

Căn cứ vào số tiền các bị cáo sử dụng số tiền sử dụng đánh bạc, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A sử dụng số tiền đánh bạc cao nhất và có quá trình nhân thân xấu nên cần bị áp dụng hình phạt cao nhất. Các bị cáo còn lại bị áp dụng hình phạt ngang bằng nhau là phù hợp.

Đối với bị cáo Hồ Thái L7, Trần Thị T10 phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Cho nên, cần xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét xử phạt các bị cáo dưới mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Xét thấy: Các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Hồ Thái L7, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Trần Thị T10, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N7 sử dụng số tiền vào mục đích đánh bạc dưới 5.000.000đ nên có giá trị không lớn; các bị cáo phạm lần đầu; có quá trình nhân thân tốt. Cho nên, không cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần xử phạt tiền là phù hợp với quy định tại Điều 35 BLHS.

[7] *Về vật chứng*: Hiện đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh gồm:

- 01 đĩa, 01 nắp nhựa màu xanh, 03 hột xí ngầu, 01 chiếu bạc, 18 ghế nhựa. Xét thấy: Đây là những dụng cụ các bị cáo sử dụng để làm công cụ phạm tội. Cho nên, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với số tiền 45.632.000đ. Trong đó: Tiền thu giữ trên chiếu bạc: 9.770.000đ; tiền thu giữ trong người các con bạc: 34.362.000đ; tiền do bị cáo Nguyễn L18 nộp: 1.500.000đ đang thu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Đối với số tiền 14.782.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L5 tại biên bản phạm tội quả tang. Xét thấy: Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị L5 sử dụng số tiền 300.000đ để đánh bạc và thắng bạc được 100.000đ. Còn lại số tiền 14.382.000đ bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được nhận lại số tiền 14.382.000đ. Do đó, cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L5 là phù hợp.

Đối với số tiền thu giữ của bị cáo Hồ Thái L7 là 6.000.000đ. Bị cáo sử dụng số tiền 1.400.000đ để đánh bạc và đánh thắng được 1.100.000đ. Số tiền còn lại 3.500.000đ Hồ Thái L7 không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được trả lại số tiền 3.500.000đ. Do đó, cần trả lại cho bị cáo Hồ Thái L7 3.500.000đ là phù hợp.

Tại biên bản phạm tội quả tang cũng như tại phiên tòa, bị cáo Thái Thị Bạch T9 đều khai nhận số tiền bị thu giữ là 3.500.000đ. Bị cáo sử dụng số tiền 300.000đ để đánh

bạc. Số tiền còn lại là 3.200.000đ bị cáo không sử dụng để đánh bạc, nhưng bị cáo không có yêu cầu trả lại mà đề nghị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Do đó, cần tịch thu, nộp ngân sách số tiền 3.200.000đ của Thái Thị Bạch T9.

Sau khi trừ đi số tiền hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L5, Hồ Thái L7. Số tiền còn lại là 27.750.000đ. Kết quả thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định số tiền này các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc và tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội. Cho nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với số tiền tạm giữ thể hiện tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 22/02/2023 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị Tuyết L17: 370.000đ; Đặng Thị N4: 1.000.000đ; Nguyễn Thị Kim O: 4.660.000đ; Phan Thành P3: 200.000đ; Mai Lê Hoàng Trà M3: 2.900.000đ; Lê Thị Hồng D2: 90.000đ. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Về án phí: Cần buộc bị cáo Nguyễn L18, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M; Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Hồ Thái L7, Trần Thị T10 tại thời điểm phạm tội các bị cáo đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí hình sự. Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hồ Thái L7, Trần Thị T10 thuộc đối tượng miễn nộp án phí nên bị cáo Hồ Thái L7, Trần Thị T10 không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn L18, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N7 phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt Nguyễn L18: 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng)

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 322; các điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt Nguyễn Văn L2: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

- Xử phạt Nguyễn Tấn M: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

- Xử phạt Nguyễn Văn T1: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35. Các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị Ngọc S áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt Nguyễn Trường A: 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt Nguyễn Thị L5: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Trịnh Thị L6: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Nguyễn Thị L8: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Phạm Hữu T5: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Nguyễn Thị Ngọc S: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Nguyễn Thị Thu S1: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Võ Thị Kim C2: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Phạm Thị L13: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Thái Thị Bạch T9: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Phan Duy A3: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Phan Thị Mỹ D1: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt Trần Ánh N7: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt Hồ Thái L7: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Xử phạt Trần Thị T10: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Về vật chứng:

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, tiêu hủy: 01 đĩa, 01 nắp nhựa màu xanh, 03 hột xì ngầu, 01 chiếu bạc, 18 ghế nhựa.

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 27.750.000đ. Trong đó: Tiền thu giữ trên chiếu bạc: 9.770.000đ; tiền thu giữ trong người các con bạc: 16.480.000đ; tiền do bị cáo Nguyễn L18 nộp: 1.500.000đ.

Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L5 số tiền 14.382.000đ; Hồ Thái L7: 3.500.000đ. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả các vật chứng trên hiện nay đang thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh và lệnh thanh toán ngày 10/11/2023).

Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn L18, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn M; Nguyễn Trường A, Nguyễn Thị L5, Trịnh Thị L6, Nguyễn Thị L8, Phạm Hữu T5, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị Thu S1, Võ Thị Kim C2, Phạm Thị L13, Thái Thị Bạch T9, Phan Duy A3, Phan Thị Mỹ D1, Trần Ánh N7 phải nộp 200.000đ án phí hình sự, sung công quỹ Nhà nước.

Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Hồ Thái L7, Trần Thị T10.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/01/2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- + Cấp theo Điều 262 BLTTHS:
- Bị cáo; NCQLNVLQ.
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã Gia Huynh; Đ. Bình (thay T/B);
- UBND xã Măng Tố; TT Lạc Tánh (thay T/B);
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Yến